

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09/01/2018

V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Quách Tử Diệc

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ không tham gia phiên tòa .

Ngày 09 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 442/2017/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 254/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lê Thanh L**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 256/17, ấp Phước Đ 1, xã B H P, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lê Thanh L có ông **Hà Văn V** – Luật sư - Thuộc Văn phòng Luật sư Hà Văn V – Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1977

Địa chỉ HKTT: Số 256/17, ấp P Đ 1, xã B H P, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: Ấp Bình H 1, xã B H P, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2017 và tại các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn Lê Thanh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị H tiến đến hôn nhân trên cơ sở mai mối, hai bên có tổ chức lễ cưới vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã B H P, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long và được Ủy ban nhân dân xã B H

P, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/12/2002. Sau khi kết hôn chị H về chung sống bên gia đình anh L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do chị H không tin tưởng anh L, chị H nghi ngờ anh L không chung thủy, dẫn đến vợ chồng cự cãi, chị H bỏ đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh, anh L và chị H đã sống ly thân từ tháng 8/2015 cho đến nay. Nay anh Lê Thanh L nhận thấy không còn tình cảm với chị Nguyễn Thị Mỹ H nên yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên Lê Thị Kiều Tr, sinh năm 1998, Lê Thị Kim N, sinh ngày 07/8/1999 và Lê Thị Kim Ng, sinh ngày 14/3/2009. Đối với Lê Thị Kiều Tr và Lê Thị Kim N đã trưởng thành anh L không yêu cầu giải quyết, anh L yêu cầu nuôi Lê Thị Kim Ng không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung : Không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của luật sư Hà Văn V bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lê Thanh L trình bày: Yêu cầu ly hôn của anh L là có cơ sở vì vậy đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh L.

Tại các lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H thừa nhận lời trình bày của anh L là đúng, chị H và anh L tiến đến hôn nhân trên cơ sở mai mối, hai bên có tổ chức lễ cưới vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã B H P, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long và được Ủy ban nhân dân xã B H P, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/12/2002. Về mâu thuẫn vợ chồng, do anh L không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, chị H đã khuyên can anh L nhiều lần nhưng anh L không sửa đổi, vì vậy chị H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột một thời gian rồi mới đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh, nhưng chị H vẫn về thăm chồng con, chị H và anh L đã sống ly thân từ tháng 8/2015 cho đến nay. Nay chị Nguyễn Thị Mỹ H không đồng ý ly hôn với anh Lê Thanh L vì chị H còn thương anh L.

Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên Lê Thị Kiều Tr, sinh ngày 06/02/1998, Lê Thị Kim N, sinh ngày 07/8/1999 và Lê Thị Kim Ng, sinh ngày 14/3/2009. Đối với Lê Thị Kiều Tr và Lê Thị Kim N đã trưởng thành chị H không yêu cầu giải quyết, chị H tôn trọng nguyện vọng của cháu Lê Thị Kim Ng muốn sống với anh L thì chị đồng ý giao cho anh L chăm sóc nuôi dưỡng và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản khai ngày 19/12/2017 và tại biên bản hòa giải ngày 19/12/2017 cháu Ng trình bày con là con của cha Lê Thanh L và mẹ Nguyễn Thị Mỹ H, trường hợp cha mẹ ly hôn con muốn sống với cha vì mẹ đi làm không ở nhà với con thường xuyên.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn anh Lê Thanh L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ H, vì anh khai vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng do chị H không tin tưởng anh L nghi ngờ anh có người phụ nữ khác, đến tháng 8/2015 chị H đi về nhà cha mẹ ruột, hiện nay giữa anh và chị H không còn sống chung với nhau nên anh tha thiết được ly hôn với chị H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung Lê Thị Kiều Tr, sinh ngày 06/02/1998, Lê Thị Kim N, sinh ngày 07/8/1999 và Lê Thị Kim Ng, sinh ngày 14/3/2009, đối với hai cháu Kiều Tr và cháu Kim N đã trưởng thành anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Lê Thị Kim Ng anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu vì từ trước đến nay cháu Ng ở với anh, cũng là nguyện vọng của cháu Ng khi cha mẹ ly hôn con muốn sống chung với cha là anh Lê Thanh L. Anh L không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, vì anh có đủ khả năng nuôi cháu Ng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của anh Liềm trình bày tình cảm vợ chồng anh L và H đã mâu thuẫn trầm trọng do chị H không tin tưởng anh L dẫn đến chị H bỏ nhà ra đi, chị H không đồng ý ly hôn nhưng anh L kiên quyết ly hôn vì không còn tình cảm với chị H, vì vậy việc anh L yêu cầu ly hôn với chị H là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh L, cho anh L được ly hôn và giao cháu Ng cho anh L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H không đồng ý ly hôn vì chị cho rằng do anh L có người khác nên chị mới về nhà cha mẹ ruột và đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng chị vẫn về nhà, chị còn thương anh L nên không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung Lê Thị Kiều Tr, sinh ngày 06/02/1998, Lê Thị Kim N, sinh ngày 07/8/1999 và Lê Thị Kim Ng, sinh ngày 14/3/2009, đối với hai cháu Kiều Tr và cháu Kim N đã trưởng thành chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Lê Thị Kim N theo nguyện vọng của cháu muốn sống với anh L nên chị đồng ý để cháu Ng cho anh L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Lê Thanh L yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ H nên đây là quan hệ hôn nhân gia đình tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thanh L và chị Nguyễn Thị Mỹ H kết hôn với nhau được Ủy ban nhân dân xã B H P cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày

31/12/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Về mâu thuẫn anh L khai vợ chồng chung sống chị H thường nghi ngờ anh không tin tưởng anh dẫn đến vợ chồng thường cự cãi, tại phiên tòa hôm nay anh cho rằng đi làm ăn nên có bạn bè qua lại chứ không có quan hệ nào như chị H trình bày, hiện nay anh và chị H không còn sống chung và không còn tình cảm yêu thương với chị H nếu đoàn tụ thì không có hạnh phúc, chị H cho rằng anh L có người khác dẫn đến chị về nhà cha mẹ ruột sống, chị còn thương anh L nên không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay chị cho rằng còn thương anh L nhưng từ khi thụ lý đến nay chị H không có về ở chung với anh L và không có chứng cứ nào cho rằng chị còn thương anh L hiện nay chị và anh L đã ly thân từ tháng 8/2015 cho đến nay. Xét tình trạng hôn nhân của anh L và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, cả hai đã ly thân được hai năm mấy, hôn nhân giữa hai người không đạt được, anh L không còn tình cảm với chị H, vì vậy cho anh L được ly hôn với chị H là có cơ sở chấp nhận được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2.] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung Lê Thị Kiều Tr, sinh ngày 06/02/1998, Lê Thị Kim N, sinh ngày 07/8/1999 và Lê Thị Kim Ng, sinh ngày 14/3/2009, đối với hai cháu Kiều Tr và cháu Kim N đã trưởng thành anh L và chị H không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Lê Thị Kim Ng có bản khai ý kiến cha mẹ ly hôn con muốn sống với cha anh Lê Thanh L, cũng là yêu cầu của anh L muốn nuôi dưỡng cháu Ng, tại phiên tòa hôm nay chị H cũng yêu cầu được nuôi cháu Ng, nhưng cháu Ng có nguyện vọng cha mẹ ly hôn con muốn sống với cha nên chị đồng ý theo nguyện vọng của cháu Ng để cháu Ng cho anh L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, Xét chị H đồng ý giao cháu Lê Thị Kim Ng cho anh L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là sự tự nguyện, Hội đồng xét xử giao cháu Lê Thị Kim Ng cho anh L chăm sóc nuôi dưỡng được quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Chị Nguyễn Thị Mỹ H có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản chị H thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó được quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh L và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung .

[2.6] Xét lời trình bày của luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho anh Lê Thanh L cho rằng vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận như những nhận định ở trên.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 9, 54, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thanh L.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Thanh L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ H.

2/ Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Thị Kim Ng sinh ngày 14/3/2009 cho anh Lê Thanh L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Đối với hai cháu Lê Thị Kiều Tr, sinh ngày 06/02/1998 và cháu Lê Thị Kim N sinh ngày 07/8/1999 đã trưởng thành anh L chị H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết cháu Kiều Tr và cháu Kim N.

Chị Nguyễn Thị Mỹ H có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản chị H thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con là cháu Lê Thị Kim Ng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về tài sản chung: anh L và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5/ Về nợ chung: Anh L và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

6/ Về án phí: Buộc anh Lê Thanh L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001063 ngày 02/11/2017 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long H, anh L đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7/ Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long L
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- THADS huyện Long H
- Các đương sự
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Võ Thị Hồng Điệp